

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày 14 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Hồng Hà
Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2022/TLST- HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Đình S, sinh ngày 23/10/1977; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Xuân H và bà Đào Thị V; vợ: Trần Thị T và có 03 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số 37/2010/HSST ngày 25/8/2010, Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, S đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/03/2012 và chấp hành xong về phần án phí ngày 19/11/2010. Hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2022 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: TDP M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/10/2022, Phạm Đình S, SN: 1977 ở Thôn H, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đang đi bộ một mình ở khu vực đoạn đường đê thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện LT thì nhận được điện thoại Nguyễn Văn H1, SN 1998 ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc gọi hỏi mua 400.000 đồng tiền ma túy heroine, S đồng ý và hẹn đến đoạn đường đê nơi S đang đứng để trao đổi mua bán ma túy. Khoảng 18 giờ cùng ngày S thấy H1 và Phạm Văn N, SN 1993 ở thôn D, xã D, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đi xe máy đến, H1 xuống xe và đến chỗ S, khi H1 và S đang trao đổi mua bán ma túy thì bị lực lượng Công an tỉnh Vĩnh Phúc tuần tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tại túi quần bên phải phía trước của Phạm Đình S đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 13 gói nhỏ đều được bọc bên ngoài bằng giấy bạc màu trắng, bên trong 13 gói nhỏ đều chứa chất bột cục màu trắng, S khai nhận đây là 13 gói ma túy Heroine của S đem đi để bán, được Cơ quan Công an niêm phong ký H1 A1; thu giữ tại túi quần bên trái phía trước Phạm Đình S đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn H1 Nokia, vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng và số tiền 700.000 đồng; thu giữ trong túi quần bên trái phía trước của H1 đang mặc số tiền 400.000 đồng. Cùng ngày cơ quan Công an đã tiến hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Đình S, kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại bản Kết luận giám định số 3098/KLGĐ ngày 14/10/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

+ *Chất bột cục màu trắng của mẫu ký H1 A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,0255g (Một phẩy không hai năm năm gam, không kể bao bì) loại Heroine.*

Về nguồn gốc ma túy Heroine S khai nhận mua của một người đàn ông đứng ở đường thuộc khu vực đầu cầu V, huyện VT trưa ngày 10/10/2022 với giá 2.000.000 đồng, S không biết tên tuổi, địa chỉ người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn H1 đang trao đổi mua bán ma túy với S nhưng chưa nhận được ma túy, bản thân H1 không có tiền án, tiền sự về ma túy. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Phạm Văn N là bạn của H1, quá trình điều tra xác định N không biết và cũng không tham gia vào việc trao đổi mua bán ma túy giữa H1 và S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với N là có căn cứ.

* Vật chứng của vụ án:

- Mẫu A1 = 1,0255g heroine, cơ quan giám định hoàn lại mẫu = 0,9965g là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn H1 Nokia, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Phạm Đình S quá trình điều tra xác định S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với H1 do vậy cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 700.000 đồng thu giữ của S, quá trình điều tra xác định là tài sản của S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần xem xét trả lại cho S nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H1, quá trình điều tra xác định H1 dùng số tiền này để mua ma túy của S nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động H1 gọi S để hỏi mua ma túy, H1 khai mượn của người đi đường không rõ tên tuổi địa chỉ, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số: 02/CT- VKSLT ngày 23/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố bị cáo Phạm Đình S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đình S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Đình S từ 27 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 10/10/2022; Do Phạm Đình S không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy mẫu A1 = 0,9965g cơ quan giám định hoàn lại sau giám định; Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn H1 Nokia, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Phạm Đình S quá trình điều tra xác định S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với H1; Số tiền 700.000 đồng thu giữ của S, quá trình điều tra xác định là tài sản của S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H1, quá trình điều tra xác định H1 dùng số tiền này để mua ma túy của S. Về án phí bị cáo S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo S không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo biết hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 18 giờ ngày 10/10/2022, tại khu vực đoạn đường đê thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, Phạm Đình S đã có hành vi bán trái phép chất ma túy heroine cho Nguyễn Văn H1, SN 1998 ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 400.000 đồng. Khi đang trao đổi thì bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang thu giữ của S 13 gói ma túy heroine có tổng khối lượng 1,0255g và các vật chứng liên quan.

[3] Hành vi nêu trên của Phạm Đình S đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”

[4] Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện việc coi thường pháp luật vi phạm chính sách của Nhà nước về thống nhất quản lý các chất ma túy. Bản thân bị cáo S là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện LT xét xử, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo là điều cần thiết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Văn H1 đang trao đổi mua bán ma túy với S nhưng chưa nhận được ma túy, bản thân H1 không có tiền án, tiền sự về ma túy. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Phạm Văn N là bạn của H1, quá trình điều tra xác định N không biết và cũng không tham gia vào việc trao đổi mua bán ma túy giữa H1 và S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Ngọc là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Mẫu A1 = 1,0255g heroine, cơ quan giám định hoàn lại mẫu = 0,9965g là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn H1 Nokia, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Phạm Đình S quá trình điều tra xác định S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với H1, do vậy cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 700.000 đồng thu giữ của S, quá trình điều tra xác định là tài sản của S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H1, quá trình điều tra xác định H1 dùng số tiền này để mua ma túy của S nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Đình S phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đình S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 10/10/2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 mẫu trả của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc ký H1 A1 = 0,9965g ma túy;

- Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn H1 Nokia, vỏ màu đen, đã cũ của Phạm Đình S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với H1.

- Trả lại Phạm Đình S số tiền 700.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng của Nguyễn Văn H1 dùng để mua ma túy của S.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa Công an huyện LT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Đình S phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

